TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tiến Mãn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo
Ông Đinh Văn Thuấn

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Hồng Nhung - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2020/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Đội 3, thôn Phán Thủy, xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Phạm Văn H - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Đội 7, thôn Thanh Khê, xã Yên Nghĩa, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị N, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Đỗ Thị Ng trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Văn H vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Nghĩa, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng ba năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân anh do H rượu chè dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi chửi, đánh nhau; chị và anh H đã thống nhất ly hôn. Tại quyết định thuận tình ly hôn số 21/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định đã công nhận thuận tình ly hôn giữa chị và anh H; về con chung chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Thu H1 - sinh ngày 10/8/2012, anh H trực

tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Ánh H2 - sinh ngày 14/8/2016, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ và hứa sẽ thay đổi; do vậy chị và anh H đã đẻ thêm cháu Phạm Văn T, sinh ngày 15/6/2019 và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Nghĩa, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định vào ngày 05/7/2019. Sau khi kết hôn lại chị và anh H chung sống nhưng không có tình cảm, bất đồng quan điểm sống; vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi, đánh nhau. Nhiều lần chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Hưng Yên sinh sống, chị và anh H sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 01/2020 cho đến nay. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có ba con chung là cháu Phạm Thị Thu H1, sinh ngày 10/8/2012; cháu Phạm Thị Ánh H2, sinh ngày 14/8/2016 và cháu Phạm Văn T, sinh ngày 15/6/2019. Sau ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và cháu T để anh H nuôi dưỡng cháu H2, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn anh Phạm Văn H trình bầy: Về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như chị N trình bầy là đúng; sau khi kết hôn lại, anh và chị N chung sống được khoảng ba tháng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Hưng Yên sinh sống mặc dù anh đã nhiều lần tìm chị N về đoàn tụ nhưng chị không về. Anh H không muốn ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dậy con chung.

Về con chung như chị N trình bầy là đúng, anh H không đồng ý ly hôn nên không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân, anh và chị N không có gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm việc với bà Mai Thị V là mẹ đẻ của anh H được biết: Anh H và chị N lấy nhau có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với gia đình bà. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do chị N nghi ngờ anh H có quan hệ bất chính với người khác nên vợ chồng đã ly hôn vào tháng 3/2018. Sau đó anh H và chị N về chung sống và đẻ thêm cháu thứ ba và đăng ký kết hôn lại vào tháng 7/2019, do chị N tính tình trẻ con nên mỗi lần vợ chồng cãi chửi nhau chị N lại bỏ về quê ở Hưng Yên sinh sống mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo. Tháng 02/2020 chị N bế cháu T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Anh H và chị N có ba con chung, cháu H1 và cháu H2 đang ở

với anh H tại gia đình bà, cháu T do chị N nuôi dưỡng. Bà V mong muốn vợ chồng anh H đoàn tụ để nuôi dạy con chung, nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết dứt điểm việc ly hôn của anh chị để gia đình bà và các cháu đỡ khổ.

Đại diện địa phương cho biết: Anh H và chị N lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Nghĩa huyện Ý Yên. Sau khi cưới, chị N đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Yên Nghĩa huyện Ý Yên tỉnh Nam Định. Tháng 3/2018 anh H chị Ngân ly hôn, sau ly hôn chị N và cháu H1 chuyển khẩu về xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Tháng 7/2019 anh H và chị N lại đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Nghĩa huyện Ý Yên. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như thế nào thì địa phương không biết cụ thể, chị Ng đã nhiều lần bỏ đi khỏi địa phương; anh H và chị N có ba con chung. Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh chị theo quy định của pháp luật.

Do hòa giải không thành nên Tòa án quyết định mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đánh giá quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Sau khi kết hôn, chị N và anh H chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống; chị N và anh H đã ly thân chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Vì vậy đề nghị áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình giải quyết để chị N được ly hôn với anh H. Về con chung, chị N và anh H có ba con chung là cháu Phạm Thị Thu H1, sinh ngày 10/8/2012; cháu Phạm Thị Ánh H2, sinh ngày 14/8/2016 và cháu Phạm Văn T, sinh ngày 15/6/2019. Xét nguyện vọng của chị N và con chung nên giao chị Ngân trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và cháu T; giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị N và anh H có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị N, anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác, chị N và anh H xác đinh không có không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị N thì Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn cư trú

tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt với những lý do chính đáng. Căn cứ Khoản 1 Điều 228; Điểm b Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Phạm Văn H kết hôn ngày 05/7/2019, đăng ký kết hôn tai Ủy ban nhân dân xã Yên Nghĩa, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn lại anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách và lối sống của vợ chồng không hòa hợp, chưa biết chia xẻ cùng nhau những khó khăn. Tháng 02/2020 chị N chủ động rời xa anh H và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Thu H1, sinh ngày 10/8/2012 và cháu Phạm Văn T, sinh ngày 15/6/2019 để anh H nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Ánh H2, sinh ngày 14/8/2016 sau ly hôn; anh H không đồng ý ly hôn nên không đề nghị giải quyết về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu H1 có nguyện vọng được ở với chị Ng do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và cháu T; anh H trược tiếp nuôi dưỡng cháu H2 là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N và anh H có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Đỗ Thị N và anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Thu H1, sinh ngày 10/8/2012 và cháu Phạm Văn T, sinh ngày 15/6/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Phạm Thị Ánh H2, sinh ngày 14/8/2016 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở, quyền nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Phạm Văn H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Đỗ Thị N phải nộp là 300.000đ, đối trừ với số tiền 300.000đ chị N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001318, ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị N đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phạm Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Tiến Mãn

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND xã Yên Nghĩa;
- UBND xã Song Mai,
huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
- Lưu: HS, VP.